

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035; theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 167/TTr-SKHCN ngày 11/8/2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035 phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn của tỉnh.

b) Đẩy mạnh áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy năng suất, chất lượng phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

c) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tạo môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong hoạt động xây dựng, áp dụng và phổ biến tiêu chuẩn; nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của tiêu chuẩn hóa đối với phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

a) Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035.

b) Tăng cường phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ với các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các tổ chức chính trị - xã hội, Hiệp hội Doanh nghiệp và doanh nghiệp trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Gắn hoạt động tiêu chuẩn hóa với các chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, logistics, cảng biển, đô thị thông minh, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

d) Lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác; đẩy mạnh hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, hệ thống quản lý chất lượng và các công cụ cải tiến năng suất, chất lượng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn theo hướng hiện đại, hài hòa với tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) 100% sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh được phổ biến, quán triệt nội dung Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035 và các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

b) 100% doanh nghiệp sản xuất, cung cấp sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao được hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo lộ trình công bố của các bộ, ngành, địa phương.

c) Nâng cao hiệu quả thực thi tiêu chuẩn thông qua hoạt động đánh giá sự phù hợp, phấn đấu tối thiểu 1.000 giấy chứng nhận/phiếu kết quả/năm phát sinh mới trên địa bàn tỉnh (bao gồm: thử nghiệm/giám định/chứng nhận...).

d) Phấn đấu tăng tối thiểu 10% số lượng sản phẩm hàng hóa chủ lực/OCOP/nông sản xuất khẩu của tỉnh đạt chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

e) Hàng năm có tối thiểu 100 doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ban, ngành được hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

g) Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về tiêu chuẩn hóa ít nhất 500 lượt công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

h) Bảo đảm 100% thông tin cảnh báo về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các nước thành viên WTO được phổ biến kịp thời đến các doanh nghiệp liên quan trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ xuất khẩu.

3. Định hướng đến năm 2035

a) Đảm bảo ít nhất 70% các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh có nội dung lồng ghép các yêu cầu liên quan đến tiêu chuẩn quốc gia.

b) Phấn đấu tăng tỷ lệ sản phẩm, hàng hóa chủ lực và sản phẩm OCOP của tỉnh được cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đóng góp vào mục tiêu đạt 70.000 chứng nhận/năm của cả nước.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035, các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong việc áp dụng tiêu chuẩn vào hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

b) Phổ biến kiến thức về tiêu chuẩn cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và người dân trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực áp dụng tiêu chuẩn.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và hạ tầng hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn

a) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật địa phương thuộc phạm vi quản lý của các sở, ngành; kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng giai đoạn.

b) Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về tiêu chuẩn hóa vào các chương trình, kế hoạch của ngành, địa phương (chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); chương trình phát triển sản phẩm chủ lực; chương trình hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế tập thể; chương trình đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số,...)

c) Hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật để hỗ trợ tra cứu, tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn.

3. Đẩy mạnh áp dụng TCVN để thúc đẩy đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài cho các sản phẩm công nghệ chiến lược và công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain, tự động hóa, công nghệ năng lượng mới, công nghệ sinh học tiên tiến...

b) Khuyến khích doanh nghiệp, các tổ chức đề xuất và tham gia xây dựng tiêu chuẩn.

c) Thúc đẩy áp dụng các tiêu chuẩn về khả năng tương tác, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống số, góp phần phát triển hạ tầng số quốc gia và nền kinh tế số.

4. Đẩy mạnh áp dụng TCVN phục vụ phát triển công nghiệp và dịch vụ

a) Áp dụng tiêu chuẩn phục vụ sản xuất bền vững trong công nghiệp, thúc đẩy áp dụng các quy trình sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và tuần hoàn vật liệu.

b) Áp dụng tiêu chuẩn cho cơ sở hạ tầng công nghiệp hiện đại và hạ tầng số, bao gồm hạ tầng thông tin, mạng truyền thông, cơ sở dữ liệu dùng chung, điện toán đám mây và hệ thống sản xuất tích hợp; bảo đảm khả năng tích hợp, tương tác và liên thông trong chuỗi giá trị.

5. Đẩy mạnh áp dụng TCVN phục vụ phát triển đô thị hiện đại và quản lý xã hội

a) Áp dụng tiêu chuẩn về quy hoạch, thiết kế và vận hành đô thị; hạ tầng đô thị thông minh, an toàn; nền tảng dữ liệu và ứng dụng số phục vụ quản lý đô thị.

b) Áp dụng tiêu chuẩn cho công trình xây dựng bao gồm tiêu chuẩn đánh giá nhà ở, cải tạo và nâng cấp công trình công cộng, ứng dụng công nghệ số trong xây dựng và quản lý tài sản; kết hợp bảo tồn di sản với phát triển hạ tầng đô thị bền vững.

c) Áp dụng tiêu chuẩn về quản lý hành chính, tài chính công, dịch vụ công trực tuyến, cải cách thủ tục hành chính; tiêu chuẩn quản lý dữ liệu số, trung tâm điều hành thông minh, an ninh mạng và bảo vệ thông tin cá nhân phục vụ quản trị xã hội hiện đại.

6. Đẩy mạnh áp dụng TCVN phục vụ tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

a) Áp dụng tiêu chuẩn về phát thải carbon và quản lý khí nhà kính; tiêu chuẩn cho sản phẩm carbon thấp, công nghệ thu giữ và tái sử dụng CO₂.

b) Áp dụng tiêu chuẩn sử dụng năng lượng hiệu quả bao gồm tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng cho thiết bị và sản phẩm; tiêu chuẩn phục vụ kiểm toán năng lượng, thử nghiệm, chứng nhận và dán nhãn năng lượng.

c) Áp dụng tiêu chuẩn về sản xuất và tiêu dùng bền vững bao gồm sản xuất xanh, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, tiêu dùng thân thiện môi trường, mua sắm xanh và giảm lãng phí tài nguyên.

d) Áp dụng tiêu chuẩn bảo vệ tài nguyên và môi trường, bao gồm tiêu chuẩn sử dụng hiệu quả đất, nước và không khí; kiểm soát ô nhiễm; bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

đ) Khuyến khích áp dụng tiêu chuẩn quốc tế về môi trường và biến đổi khí hậu, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh tham gia chuỗi cung ứng xanh quốc tế.

e) Áp dụng hệ thống TCVN phục vụ chuỗi cung ứng có trách nhiệm và yêu cầu ESG (môi trường, xã hội, quản trị) của thị trường quốc tế (TCVN ISO 26000 - trách nhiệm xã hội, TCVN ISO 20400 - mua sắm bền vững, TCVN ISO 14064 - kiểm kê khí nhà kính, TCVN ISO 37001 - quản lý chống hối lộ,...) cho các ngành xuất khẩu trọng điểm.

7. Nâng cao mức độ áp dụng tiêu chuẩn và hiệu quả thực thi các tiêu chuẩn để hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế

a) Đẩy mạnh áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực trong các ngành, lĩnh vực có kim ngạch xuất khẩu lớn, các sản phẩm chủ lực của tỉnh và

hướng dẫn doanh nghiệp khai thác cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn phục vụ doanh nghiệp tiếp cận nhanh yêu cầu kỹ thuật từ các thị trường trọng điểm.

b) Tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn về tiêu chuẩn; cung cấp thông tin kỹ thuật từ thị trường xuất khẩu cho doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp xây dựng kế hoạch áp dụng tiêu chuẩn trong chiến lược kinh doanh.

c) Phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng TCVN; xây dựng kế hoạch thường niên để cập nhật tiêu chuẩn theo biến động thị trường và công nghệ.

d) Tăng cường sử dụng TCVN làm cơ sở kỹ thuật trong hoạt động quản lý nhà nước, bao gồm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa, hoạt động cấp phép, đấu thầu, mua sắm công và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, qua đó nâng cao hiệu quả áp dụng của hệ thống TCVN.

8. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về tiêu chuẩn

a) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tiêu chuẩn cho công chức các sở, ngành liên quan; công chức các xã, phường, đặc khu, bảo đảm đủ năng lực thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

b) Tăng cường tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, diễn đàn tiêu chuẩn hóa do các bộ, ngành trung ương tổ chức.

9. Thực thi hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) và tăng cường minh bạch hóa kỹ thuật

a) Thực hiện hiệu quả đầu mối TBT địa phương và phối hợp mạng lưới quốc gia: Duy trì và nâng cao năng lực hoạt động của Điểm thông báo và hỏi đáp TBT của tỉnh; bảo đảm phối hợp chặt chẽ với Mạng lưới TBT quốc gia để thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thông báo liên quan đến các quy định kỹ thuật của địa phương theo cam kết WTO/TBT và các Hiệp định thương mại tự do (EVFTA, CPTPP).

b) Hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh nhận diện và vượt qua rào cản kỹ thuật: phổ biến thông tin từ CSDL quốc gia về TBT của các thị trường trọng điểm (EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, ASEAN) phục vụ hoạt động xuất khẩu.

10. Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn

a) Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ban, ngành áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc tế;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, HACCP, VietGAP, GlobalGAP, ISO 50001, ISO 56000, ISO 27001, ISO 45001, ESG, 5S, Kaizen, Lean, tiêu chuẩn phát thải carbon, tiêu chuẩn sản xuất xanh, các tiêu chuẩn về quản lý chuỗi cung

ứng, logistics xanh, truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn kỹ thuật của thị trường xuất khẩu.

c) Phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia xây dựng và áp dụng TCVN trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm của tỉnh.

d) Hình thành đội ngũ tư vấn tiêu chuẩn tại địa phương; phối hợp với các hiệp hội ngành nghề và các đơn vị liên quan hướng dẫn doanh nghiệp lồng ghép yêu cầu tiêu chuẩn vào chiến lược kinh doanh và phát triển sản phẩm.

(Nhiệm vụ cụ thể tại phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp UBND tỉnh triển khai Kế hoạch; chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch;

b) Tổng hợp, đề xuất kinh phí thực hiện Kế hoạch của các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi Sở Tài chính.

c) Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch hàng năm thuộc chức năng nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực và địa bàn quản lý.

d) Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

Hằng năm, trên cơ sở đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành, địa phương có liên quan và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Các Sở: Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi và các cơ quan liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động lồng ghép yêu cầu tiêu chuẩn hóa vào các chương trình, kế hoạch phát triển ngành và bố trí nguồn lực để triển khai hiệu quả các nội dung của Chiến lược theo thẩm quyền, quy định của pháp luật.

b) Chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao nhận thức và thúc đẩy áp dụng tiêu chuẩn trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh; yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế xã hội.

4. UBND các xã, phường, đặc khu

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan triển khai các nội dung Kế hoạch.

b) Rà soát, lựa chọn và giới thiệu tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tiêu chuẩn hóa, sản phẩm cần áp dụng tiêu chuẩn gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn.

c) Lồng ghép nội dung tiêu chuẩn hóa với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương: xây dựng nông thôn mới, OCOP,...; tuyên truyền, vận động cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tích cực áp dụng tiêu chuẩn.

5. Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

a) Chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để khảo sát nhu cầu, hướng dẫn doanh nghiệp, HTX tiếp cận, xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn; tổng hợp nhu cầu hỗ trợ và phối hợp triển khai các chương trình hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn đối với khu vực kinh tế tập thể.

b) Tham gia xây dựng, góp ý và triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

c) Đề xuất nhu cầu và tham gia xây dựng tiêu chuẩn gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

Định kỳ trước ngày 30/11 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, các sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu; Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời có văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.PTT622

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

Phụ lục
Danh mục nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Tần suất thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức					
1.1	Tuyên truyền, phổ biến Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035, các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, đặc khu, Liên minh HTX tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	- Tin, bài đăng trên các nền tảng số; - Văn bản phổ biến; - Lồng ghép tuyên truyền thông qua hội nghị, tập huấn về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.	Thường xuyên	2026 - 2035
1.2	Phổ biến kiến thức về tiêu chuẩn, khảo sát nhu cầu và hướng dẫn công bố tiêu chuẩn áp dụng cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành; Liên minh HTX tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	UBND các xã, phường, đặc khu	Hội nghị, tập huấn, khảo sát nhu cầu	01 hội nghị/tập huấn/năm	2026 - 2035

1.3	Cung cấp thông tin kỹ thuật từ thị trường xuất khẩu cho doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thông báo, bài viết	Thường xuyên	2026 - 2035
2	Hoàn thiện cơ chế, chính sách và hạ tầng hỗ trợ phát triển TCVN					
2.1	Góp ý các hồ sơ dự thảo ban hành mới, sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản góp ý	Thường xuyên	2026 -2035
2.2	Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan	Nghị quyết		2026
2.3	Cập nhật thông tin, dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại địa chỉ website: https://nqi.gov.vn/	Các sở, ban, ngành	Các tổ chức đánh giá sự phù hợp, doanh nghiệp	- TCQG; - TCCS của các tổ chức, hội, hiệp hội, doanh nghiệp - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Khi có TCCS, TCVN, QCKT, QCVN mới ban hành	2026- 2035

2.4	Hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan cập nhật, khai thác CSDL quốc gia về tiêu chuẩn và QCKT để hỗ trợ tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản hướng dẫn	Năm 2026 và khi có sự thay đổi	2026-2035
3	Đẩy mạnh áp dụng TCVN để thúc đẩy đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
3.1	Hướng dẫn và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài cho các sản phẩm công nghệ chiến lược và công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain, tự động hóa, công nghệ năng lượng mới, công nghệ sinh học tiên tiến...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	- Văn bản, tài liệu hướng dẫn; - Hội nghị, tập huấn - Doanh nghiệp được tư vấn, hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn	- 01 hội nghị, tập huấn/năm - 03-05 doanh nghiệp/năm áp dụng tiêu chuẩn	2027-2035
3.2	Hướng dẫn và áp dụng các tiêu chuẩn về khả năng tương tác, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống số, góp phần phát triển hạ tầng số quốc gia và nền kinh tế số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, xã, phường, đặc khu	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn; - Hội nghị, tập huấn.	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn 1 năm/1 lần; - Tổ chức Hội nghị/tập huấn 2 năm/1 lần - 03 - 05 đơn vị/năm áp dụng tiêu chuẩn	2027-2035
4	Đẩy mạnh áp dụng TCVN phục vụ phát triển công nghiệp và dịch vụ					

4.1	Hướng dẫn và áp dụng tiêu chuẩn phục vụ sản xuất bền vững trong công nghiệp, sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và tuần hoàn vật liệu.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Ban quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp, Sở Tài chính	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn; - Hội nghị, tập huấn.	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn 1 năm/1 lần; - Tổ chức Hội nghị/tập huấn 2 năm/1 lần - 5-10 doanh nghiệp/năm áp dụng tiêu chuẩn	2026-2035
4.2	Hướng dẫn và áp dụng tiêu chuẩn cho cơ sở hạ tầng công nghiệp hiện đại và hạ tầng số, bao gồm hạ tầng thông tin, mạng truyền thông, cơ sở dữ liệu dùng chung, điện toán đám mây và hệ thống sản xuất tích hợp; bảo đảm khả năng tích hợp, tương tác và liên thông trong chuỗi giá trị.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp, Sở Tài chính	1 khoá tập huấn/năm	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn 1 năm/1 lần; - Tổ chức Hội nghị/tập huấn 2 năm/1 lần - 5-10 doanh nghiệp/năm áp dụng tiêu chuẩn.	2026-2035
5	Đẩy mạnh áp dụng TCVN phục vụ phát triển đô thị hiện đại và quản lý xã hội					
5.1	Hướng dẫn và kiểm tra việc tuân thủ, áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến các lĩnh vực quy hoạch, thiết kế đô thị, đô thị thông minh, nền tảng dữ liệu và ứng dụng số phục vụ quản lý đô thị	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn - Hội nghị/tập huấn/kiểm tra - Đơn vị/doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn 1 năm/1 lần; - Tổ chức Hội nghị/tập huấn 2 năm/1 lần - 5-10 doanh nghiệp, đơn vị/năm áp dụng tiêu chuẩn	2026-2035

5.2	Hướng dẫn và kiểm tra việc tuân thủ, áp dụng tiêu chuẩn cho công trình xây dựng, bao gồm tiêu chuẩn đánh giá nhà ở, cải tạo và nâng cấp công trình công cộng, ứng dụng công nghệ số trong xây dựng và quản lý tài sản; kết hợp bảo tồn di sản với phát triển hạ tầng đô thị bền vững.	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn - Hội nghị/tập huấn/kiểm tra - Công trình áp dụng tiêu chuẩn	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn 1 năm/1 lần; - Tổ chức Hội nghị/tập huấn 2 năm/1 lần; - 5-10 công trình/năm áp dụng tiêu chuẩn	2026-2035
5.3	Hướng dẫn và áp dụng tiêu chuẩn về quản lý hành chính, tài chính công, dịch vụ công trực tuyến, cải cách thủ tục hành chính; tiêu chuẩn quản lý dữ liệu số, trung tâm điều hành thông minh, an ninh mạng và bảo vệ thông tin cá nhân phục vụ quản trị xã hội hiện đại.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn; - Hội nghị/tập huấn; - Đơn vị/doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn;	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn 1 năm/1 lần; - Tổ chức Hội nghị/tập huấn 2 năm/1 lần; - 1-2 đơn vị, doanh nghiệp/năm áp dụng tiêu chuẩn.	2026-2035
6	Đẩy mạnh áp dụng TCVN phục vụ tăng trưởng xanh và phát triển bền vững					
6.1	Hướng dẫn và áp dụng: - Tiêu chuẩn phát thải carbon và quản lý khí nhà kính; tiêu chuẩn cho sản phẩm carbon thấp, công nghệ thu giữ và tái sử dụng CO₂. - Tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng cho thiết bị và sản phẩm; tiêu chuẩn phục vụ kiểm toán năng lượng, thử nghiệm, chứng	Sở Công Thương	Sở Tài chính	- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn. - Hỗ trợ các doanh nghiệp có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định.	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn. - Tổ chức Hội nghị/tập huấn. - 5 - 10 doanh nghiệp, đơn vị/năm áp dụng tiêu chuẩn	2026-2035

	nhận và dán nhãn năng lượng. - Hệ thống TCVN phục vụ chuỗi cung ứng có trách nhiệm và yêu cầu ESG cho các ngành xuất khẩu trọng điểm.					
6.2	Hướng dẫn áp dụng: - Tiêu chuẩn sản xuất xanh, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, tiêu dùng thân thiện môi trường, mua sắm xanh và giảm lãng phí tài nguyên. - Tiêu chuẩn sử dụng hiệu quả đất, nước và không khí; kiểm soát ô nhiễm; bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học. - Tiêu chuẩn quốc tế về môi trường và biến đổi khí hậu, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh tham gia chuỗi cung ứng xanh quốc tế.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND xã, phường, đặc khu Lý Sơn, Liên minh HTX tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn. Hỗ trợ các doanh nghiệp có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn. - Tổ chức 01 Hội nghị/tập huấn/ năm. - 5-10 doanh nghiệp, đơn vị/năm áp dụng tiêu chuẩn	2026-2035
7	Nâng cao mức độ áp dụng tiêu chuẩn và hiệu quả thực thi các tiêu chuẩn để hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế					
7.1	Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực trong các ngành, lĩnh vực có kim ngạch xuất khẩu lớn, các sản phẩm chủ lực của tỉnh	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Liên minh HTX tỉnh	Văn bản hướng dẫn	- Văn bản phổ biến, hướng dẫn. - 1-2 doanh nghiệp, đơn vị/năm áp dụng tiêu chuẩn	2026-2035

7.2	Hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng TCVN và xây dựng kế hoạch rà soát thường niên để cập nhật tiêu chuẩn theo biến động thị trường và công nghệ.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Liên minh HTX tỉnh	Hội nghị, lớp tập huấn, văn bản hướng dẫn. Báo cáo rà soát nhu cầu áp dụng tiêu chuẩn.	Hàng năm	2026-2035
8	Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về tiêu chuẩn					
8.1	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về tiêu chuẩn cho công chức các sở, ngành liên quan; công chức các xã, phường, đặc khu, bảo đảm đủ năng lực thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.	Sở Khoa học và Công nghệ		Lớp tập huấn	02 năm/1 lớp; 100% cán bộ đầu mỗi quản lý về TCDLCL được cập nhật kiến thức	2026-2035
8.2	Tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, diễn đàn tiêu chuẩn hóa do các bộ, ngành trung ương tổ chức.	Các sở, ban ngành và đơn vị có liên quan		Tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, diễn đàn	Hàng năm	2026-2035
9	Thực thi hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) và tăng cường minh bạch hóa kỹ thuật					
9.1	Phổ biến thông tin về rào cản kỹ thuật trong thương mại đối với các sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực và tiềm năng tại địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; các cơ quan liên quan	Tiếp nhận tin cảnh báo; gửi tin cảnh báo; báo cáo	Thường xuyên	2026-2035
9.2	Cung cấp cảnh báo sớm về hàng rào kỹ thuật trong thương mại	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; các cơ quan liên	Gửi tin cảnh báo đến doanh nghiệp;	Thường xuyên	2026-2035

	của các thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam		quan	hỗ trợ kết nối		
10	Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn					
10.1	Hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Liên minh HTX tỉnh	Đơn vị đủ điều kiện theo quy định được hỗ trợ	Hằng năm	2026-2035
10.2	Hỗ trợ tư vấn, xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế; tư vấn, thử nghiệm và chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Liên minh HTX tỉnh.	Đơn vị có nhu cầu được tư vấn trực tiếp; hỗ trợ doanh nghiệp nếu đủ điều kiện theo quy định	Hằng năm	2026-2035